TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2017.
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Thúy Ái.

Bà Trương Thị Bạch Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 350/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Lê Duẩn, khóm X, Phường Y, thành phố S, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Trần Công Minh, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Lê Duẩn, khóm X, Phường Y, thành phố S, Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày*:** Nguyên trước đây vào năm 1986, bà T có chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn T, không đăng ký kết hôn và có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H - sinh năm 1988, hiện tại anh H đang sống với ông T.

- Năm 1989, bà T và ông T chia tay nhau (*đường ai nấy đi*) mà không tiến hành thủ tục ly hôn (*không có bản án, quyết định của Tòa án về việc ly hôn giữa bà T và ông T*).

- Năm 1990, bà T và ông M tổ chức đám cưới (*thời gian tìm hiểu 01 năm*), đến năm 2004 thì bà T và ông M đăng ký kết hôn tại UBND Phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Sau kết hôn, bà Tvà ông M chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống hai bên không còn phù hợp, giữa hai bên lại không có con chung. Từ đó, hai bên thường xuyên cải vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Ngoài ra, hiện nay ông M thường xuyên đi làm xa nhà ở Kiên Giang ít khi về nhà nên bà T nhận thấy ông M không chăm lo, quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của bà T dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng cũng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn ông M.

- *Về con chung, nợ chung*: Không có.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là ông Trần Công M trình bày*:** Trước khi đăng ký kết hôn với bà T thì vào năm 1986, ông M có chung sống với bà Hà Thị Ngọc H, ngụ tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi chung sống ông M và bà H có 01 con chung tên Trần Thị Diễm P, sinh ngày 17/01/1989, hiện tại chị Diễm P đang sống với bà H. Ông M xác định giữa ông và bà H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tự chia tay nhau mà không tiến hành thủ tục ly hôn và sau đó ông M lại chung sống và đăng ký kết hôn với bà T.

- Ông M thống nhất theo lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Ông M nhận thấy thời gian gần đây giữa bà T và ông M tính tình, quan điểm sống hai bên không còn hòa hợp, ông M và bà T không có con chung nên tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, ông M lại đi làm ăn xa ít về thăm bà T nên vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau. Nay ông M xác định không còn tình cảm với vợ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông M đồng ý ly hôn bà T.

- *Về con chung, nợ chung*: Không có.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử chưa đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy hôn nhân trái pháp luật giữa bà T và ông M. Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận, không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về con chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Công M là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về hôn nhân*: Bà T và ông M chung sống vợ chồng từ năm 1990, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên, trước khi bà T và cả ông M đăng ký kết hôn với nhau thì bà T và ông M đều đã có hôn nhân thực tế với người khác cụ thể là bà T chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn T từ năm 1986 và ông M chung sống với bà H cũng từ năm 1986. Do đó, giữa bà T với ông T, ông M với bà H đã có hôn nhân thực tế nhưng chưa ly hôn mà đã kết hôn với người khác là vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định cấm các hành vi sau đây:

"*c. Người đang có vợ có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng có vợ*".

Tại điểm d khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định điều kiện kết hôn:

"*Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, bà T và ông M có đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy bà T và ông M đã xác lập quan hệ hôn nhân nhưng chưa ly hôn với vợ, chồng trước đây nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M đã vi phạm điều cấm về điều kiện kết hôn. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa bà T và ông M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, ông M thường xuyên đi làm xa, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn hạnh phúc, vui vẽ... Nay tình cảm không còn, bà T và ông M không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do việc đăng ký kết hôn giữa bà T với ông M trái quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn mà cần phải xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Tại khoản 6 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*6. Kết hôn trái pháp luật là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này*".

Tại khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng*".

Do đó, căn cứ vào khoản 6 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, và khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị T và ông Trần Công M.

- *Về con chung, nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà T và ông M đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*): Bà T phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 3, 5, 8, 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên Xử</u>:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị T và ông Trần Công M do vi phạm điều kiện kết hôn; bà T và ông M chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. *Về con chung, nợ chung*: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01187 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Trần Quốc Danh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh